TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2022/QĐST-DS	*Hồng Ngự, ngày 04 tháng 3 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Lương Bằng.

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Thị Tưởng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Văn Đực - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 02/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021, về việc: Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2022/QĐST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1.1. Chị Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1996; Địa chỉ: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

1.2. Bà Dương Thị Ng, sinh năm 1971; Địa chỉ: xã TL, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng theo ủy quyền là anh Hồ Thanh H, sinh năm 1983; Địa chỉ: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp theo các văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 3 và ngày 02 tháng 4 năm 2021. (có mặt)

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Bà Trần Thị L, sinh năm 1956; (vắng mặt)

2.2. Bà Phan Thị D, sinh năm 1980; (vắng mặt)

2.3. Anh Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 24 tháng 9 năm 2000; (vắng mặt)

2.4. Chị Nguyễn Như Y, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2003; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu đề ngày 22 tháng 3 năm 2021 của bà Dương Thị Ng và đơn yêu cầu đề ngày 22 tháng 3 năm 2021 của chị Nguyễn Thị Kim Ph, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng là anh Hồ Thanh H tại phiên họp, có nội dung như sau:

Ngày 20 tháng 6 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 36/2017/QĐST-DS, có nội dung như sau: Bà Phan Thị D thống nhất trả bà Dương Thị Ng số tiền 907.756.000 đồng tiền mua thức ăn còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 11 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 39/2017/QĐST-DS, có nội dung như sau: Bà Phan Thị D thống nhất trả cho chị Nguyễn Thị Kim Ph số tiền 681.140.000 đồng tiền mua thức ăn cá lóc còn nợ, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 23 tháng 6 năm 2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự ra Quyết định cho thi hành án theo đơn yêu cầu số: 519/QĐ-CCTHADS, nội dung Quyết định, cho thi hành án đối với bà Phan Thị D phải trả cho bà Dương Thị Ng số tiền 907.756.000 đồng và lãi suất chậm thi án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngày 21 tháng 8 2017, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự ra Quyết định cho thi hành án theo đơn yêu cầu số: 629/QĐ-CCTHADS, nội dung Quyết định, cho thi hành án đối với bà Phan Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim Ph số tiền 681.140.000 đồng và lãi suất chậm thi án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết việc thi hành án theo yêu cầu, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự có Thông báo về việc xác định, phân chia tài sản chung số: 111/TB-CCTHADS ngày 12 tháng 4 năm 2018 xác định, ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1978; địa chỉ: xã TTT (nay là thị trấn TTT), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là chồng của bà Phan Thị D, ông A chết ngày 10 tháng 01 năm 2017, được gia đình đăng ký

khai tử cho ông A ngày 18 tháng 01 năm 2017. Ông A để lại di sản là 2 thửa đất ruộng, cụ thể diện tích từng thửa như sau: Diện tích 4.415,1m^2, thuộc thửa 678, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (Đất do ông Nguyễn Văn A đứng tên ngày 10 tháng 4 năm 2009, số vào sổ GCNH02508) và diện tích 3.782,8m^2, thuộc thửa 687, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (Đất do ông Nguyễn Văn A đứng tên ngày 10 tháng 4 năm 2009, số vào sổ GCNH02509).

Nay chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng yêu cầu Tòa án xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của bà Phan Thị D trong thời kỳ hôn nhân với ông Nguyễn Văn A, được hưởng suất thừa kế theo quy định pháp luật và xác định tài sản chung trong hộ, đối với khối tài sản chung là phần đất:

+ Diện tích 4.415,1m^2, thuộc thửa 678, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (Đất do ông Nguyễn Văn A đứng tên ngày 10/4/2009, số vào sổ GCNH02508);

+ Diện tích 3.782,8m^2, thuộc thửa 687, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (Đất do ông Nguyễn Văn A đứng tên ngày 10/4/2009, số vào sổ GCNH02509).

Trong quá trình giải quyết việc dân sự, bà Trần Thị L, bà Phan Thị D, anh Nguyễn Phát Đ, chị Nguyễn Như Y đã nhận thông báo thụ lý việc dân sự và Quyết định mở phiên họp nhưng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của bà Ng và chị Ph.

Tại phiên họp Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại các Điều 27, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Thư ký tại phiên họp: Thư ký phiên họp đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên họp sơ thẩm vụ việc dân sự; Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng đã thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

2. Về việc nội dung: Căn cứ các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 649, 651 Bộ Luật dân sự; khoản 29 Điều 3 Luật đất đai, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của người yêu cầu Nguyễn Thị Kim Ph và Dương Thị Ng do anh Hồ Thanh H làm đại diện, xác định phần quyền sở hữu quyền sử dụng đất của bà Phan Thị D trong khối tài sản của hộ ông Á là 5/8 = 5.123,6m^2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nội dung yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng là việc dân sự "Yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản, phân chia tài sản chung để thi hành án" theo quy định tại khoản 9 Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 74 Luật Thi hành án dân sự là đúng quy định pháp luật và thuộc thẩm quyền thụ lý và giải quyết Tòa án nhân dân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp theo điểm a khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị L, bà Phan Thị D, anh Nguyễn Phát Đ, chị Nguyễn Như Y đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng, nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 36/2017/QĐST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự ghi nhận: Bà Phan Thị D thống nhất trả bà Dương Thị Ng số tiền 907.756.000 đồng tiền mua thức ăn còn nợ, không yêu cầu tính lãi và Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số: 39/2017/QĐST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự ghi nhận: Bà Phan Thị D thống nhất trả cho chị Nguyễn Thị Kim Ph số tiền 681.140.000 đồng tiền mua thức ăn cá lóc còn nợ, không yêu cầu tính lãi. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự không cưỡng chế tài sản để thi hành được hai quyết định nói trên do đang tranh chấp quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản chung. Do đó, bà Dương Thị Ng và bà Nguyễn Thị Kim Ph yêu cầu Tòa án xác định phần tài sản của bà Phan Thị D trong khối tài sản chung để thực hiện nghĩa vụ dân sự là đúng quy định của pháp luật.

[4] Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập được thì tài sản của bà Phan Thị D và các vấn đề liên quan được xác định được như sau:

Phần diện tích đất mà chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng đang yêu cầu có nguồn gốc như sau:

- Vào ngày 01 tháng 02 năm 2000, hộ ông Nguyễn Văn A được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu đối với 02 thửa đất gồm: Thửa số 469, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng đất lúa, diện tích 3.900m^2 và thửa số 470, tờ bản đồ số 05, mục đích sử dụng

đất lúa, diện tích 4.323m^2 cùng tọa lạc tại xã TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, có số vào sổ cấp GCNQSDĐ: 01957QSDĐ/A1.

Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp thì được ghi nhận cấp chop hộ ông A, tại thời điểm này ông Nguyễn Văn A không có hộ khẩu riêng mà chung hộ với cha, mẹ và các em ruột, tuy nhiên tại Tờ khai nguồn gốc đất và Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất cùng ngày 18 tháng 8 năm 1999 của ông Nguyễn Văn A thì nguồn gốc sử dụng đất "cha là Nguyễn Văn B cho", như vậy 02 thửa đất này là không phải thuộc quyền sử dụng của hộ ông Nguyễn Văn B mà ông A là thành viên trong hộ. Mặt khác, ông Nguyễn Văn A và bà Phan Thị D kết hôn với nhau vào năm 1999, đến ngày 01 tháng 02 năm 2000 thì hộ ông Nguyễn Văn A được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, từ đó cho thấy quyền sử dụng đất với 02 thửa đất này là của hộ ông Nguyễn Văn A gồm 02 thành viên là ông A và bà D.

Đến ngày 21 tháng 11 năm 2005, ông Nguyễn Văn A tách hộ từ hộ ông Nguyễn Văn B thành hộ riêng với Chủ hộ là ông Nguyễn Văn A và các thành viên là bà Phan Thị D (vợ), Nguyễn Phát Đ (con) và Nguyễn Như Y (con).

- Đến ngày 10 tháng 4 năm 2009, hộ ông Nguyễn Văn A được Ủy ban nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng do đo đạc lại bản đồ địa chính đối với 02 thửa đất nêu trên gồm: Thửa số 678 (thửa cũ 469), tờ bản đồ số 08 (tờ bản đồ cũ 05), mục đích sử dụng đất lúa, diện tích 4.415,1m^2 (diện tích cũ 3.900m^2) và thửa số 687 (thửa cũ 470), tờ bản đồ số 08 (tờ bản đồ cũ 05), mục đích sử dụng đất lúa, diện tích 3.782,8 (diện tích cũ 4.323m^2) cùng tọa lạc tại xã TTT (nay là thị trấn TTT), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, có số vào sổ cấp GCNQSDĐ: H.02508 và H.02509.

Các thành viên của hộ ông Nguyễn Văn A tại thời điểm được cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn A (chủ hộ), bà Phan Thị D (vợ), Nguyễn Phát Đ (con) và Nguyễn Như Y (con), như vậy có thể khẳng định phần diện tích 4.415,1m^2, thuộc thửa 678, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (Đất do ông Nguyễn Văn A đứng tên ngày 10/4/2009, số vào sổ GCNH02508) và phần diện tích 3.782,8m^2, thuộc thửa 687, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp (Đất do ông Nguyễn Văn A đứng tên ngày 10/4/2009, số vào sổ GCNH02509) thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn Văn A và bà Phan Thị D. Điều đó còn được chứng minh bởi các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của 02 thửa đất này tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Tháp - Phòng giao dịch số 07 từ 02 tháng 4 năm 2010 đến ngày 10 tháng 8 năm 2017.

Đồng thời, tại thời điểm kết hôn, ông A và bà D cũng không có văn bản thỏa thuận về chế độ tài sản riêng và ông A, bà D có thời gian 17 - 18 năm cùng nhau bảo quản, sử dụng đối với 02 thửa đất nêu trên, vì vậy nên cần xác định thửa đất số 687 và thửa đất số 678, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là tài sản chung của vợ chồng ông A và bà D.

Đến ngày 10 tháng 01 năm 2017, ông Nguyễn Văn A chết thì bà Trần Thị L (mẹ ruột), bà Phan Thị D (vợ), Nguyễn Phát Đ (con) và Nguyễn Như Y (con) được quyền thừa kế theo pháp luật quyền sử dụng 02 thửa đất nêu trên, còn ông Nguyễn Văn B (cha ruột ông A) đã chết vào ngày 16 tháng 5 năm 2010 nên không được quyền thừa kế.

Từ những phân tích trên, xác định quyền sử dụng tài sản của bà Phan Thị D đối với 02 thửa đất số 687 và thửa đất số 678, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, như sau:

- Chia quyền sử dụng đất chung của vợ, chồng khi một người đã chết: Bà Phan Thị D được quyền sử dụng ½ diện tích thửa đất số 687 và thửa đất số 678, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

- Cỏn lại ½ diện tích thửa đất số 687 và thửa đất số 678, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp là di sản thừa kế do ông A để lại sẽ chia 04 phần, gồm bà Trần Thị L (mẹ ruột), bà Phan Thị D (vợ), Nguyễn Phát Đ (con) và Nguyễn Như Y (con).

Vì vậy, xác định phần quyền sử dụng đất tại thửa đất số 687 và thửa đất số 678, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp của bà Phan Thị D là: 1/2 + (1/2 x 1/4) = 5/8.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Thẩm phán - chủ tọa phiên họp chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là hoàn toàn có căn cứ và phù hợp, đúng pháp luật.

[6] Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Tổng cộng là 7.653.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng do anh Hồ Thanh H làm đại diện tự nguyện chịu phần chi phí này và đã nộp xong.

[7] Về lệ phí: Căn cứ Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng phải chịu lệ phí sơ thẩm.

Bởi các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 27, các Điều 92, 149, 370 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 212, 651 Bộ luật dân sự; Điều 74 Luật Thi hành án dân sự; Điều 3 Luật Đất đai; khoản 2 Điều 66 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 37 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng về việc yêu cầu xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng đất của bà Phan Thị D trong khối tài sản chung.

2. Bà Phan Thị D được quyền sử dụng 5/8 của thửa đất số 678, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, diện tích 4.415,1m^2, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn A ngày 10 tháng 4 năm 2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.02508.

2. Bà Phan Thị D được quyền sử dụng 5/8 của thửa đất số 687, tờ bản đồ số 08, mục đích sử dụng đất trồng lúa, diện tích 3.782,8m^2, tọa lạc tại thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ ông Nguyễn Văn A ngày 10 tháng 4 năm 2009, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H.02509.

Kèm theo sơ đồ trích đo số 04-2021 ngày 06 tháng 5 năm 2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

3. Về chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản: Chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng đồng ý chịu 7.653.000 đồng và đã nộp xong.

4. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Nguyễn Thị Kim Ph và bà Dương Thị Ng mỗi người chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí theo các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0012978 và số BI/2019/0012979 cùng ngày 30 tháng 3 năm 2021, chị Ph và bà Ng không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

5.1. Người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết việc dân sự không có mặt tại phiên họp giải quyết việc dân sự thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết.

5.2. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định

6. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Lương Bằng